CHƯƠNG I: CITTA SAṄGAHA

1. **Tướng Trạng**: Biết Đối tượng (Ārammaṇavijānanalakkhaṇaṃ).
   "Vijānana": Nhận thức.
   Tâm là sự nhận biết Đối tượng một cách thuần tuý, như là nhận biết một cái gì đó đang ở đó, chỉ đơn giản như vậy. Sự nhận biết Đối tượng này không phải là sự nhận biết mà ta dùng trong Tu Tiến, sự nhận biết trong Tu Tiến là tâm sở Sati.
   Bởi vậy, tâm không bao giờ có thể sinh lên mà không có Đối tượng. Không thể nào ngăn chặn tâm trí khỏi việc bắt Đối tượng, thậm chí lúc đang ngủ say, hay ngất đi. (Trong trường hợp này, đây là sự nhận thức về một Đối tượng mờ nhạt.)
   Mỗi tâm phát sinh chỉ biết 1 Đối tượng duy nhất mà thôi.
2. **Phận Sự**: Dẫn đầu (dẫn dắt các tâm sở) (Pubbaṅgamarasaṃ).
3. **Thành Tựu**: Có sự sinh, diệt nối nhau không ngừng (Sandahanapaccupaṭṭhānaṃ).
   Tâm sinh rồi diệt vô cùng nhanh. Chỉ trong một tiếng búng tay, tâm sinh diệt cả nghìn tỷ lần.
4. **Nguyên Nhân Gần**: Có Nāma, Rūpa (Nāmarūpapadaṭṭhānaṃ).
   Tức là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn.
   Tâm sinh lên do **04** nguyên nhân: Atītā Kamma, Ārammaṇa, Cetasika, Vatthurūpa. Trong đó: Atītā Kamma, Vatthurūpa là nguyên nhân xa, Ārammaṇa và Cetasika là Nguyên Nhân Gần.

HỎI: *"Phân biệt Nāma, Viññāṇa, Mano, Citta?"*

ĐÁP: Đức Phật dạy: *"Yaṃ cittaṃ taṃ mano, yaṃ mano taṃ viññāṇaṃ: Cái gì là tâm (citta), cái đó là Ý (mana); cái gì là Ý (mana), cái đó là Thức (viññāṇa)."*

Nāma, **Viññāṇa**, **Mano**, **Citta** cùng chung Tướng Trạng *"Biết Đối Tượng"*. Chỉ khác biệt trong văn cảnh:
- Khi nói về lĩnh vực trừu tượng thuộc tinh thần thì gọi là **Nāma**.
- Sự nhận thức Đối tượng do nương Vatthu khác nhau và không có sự tham dự của Ñāṇa, gọi là **Viññāṇa.**
- Chỉ cho những tâm làm Chức năng Javana thì gọi là **Mano**.
- Có trạng thái đa dạng và làm cho các pháp trở nên đa dạng gọi là **Citta**.

Tâm được phân tích trong Tạng Thắng Pháp bằng nhiều cách khác nhau. Trong Bộ Pháp Tụ, tâm được phân loại dựa theo bản chất của nó, đó là dựa trên việc tâm là Kusala, Akusala hay Abyākata. Trong cuốn Vi Diệu Pháp Toát Yếu này thì khác một chút, đó là sắp xếp theo các cõi giới:

I. **Kāmāvacara Citta** – Tâm Dục Giới: **54** loại tâm.
II. **Rūpāvacara Citta** – Tâm Sắc Giới: **15** loại tâm.
III. **Arūpāvacara Citta** – Tâm Vô Sắc Giới: **12** loại tâm.
IV. **Lokuttara Citta** – Tâm Siêu Thế: **8** (hay **40**) loại tâm.

Tổng cộng: **89** (hay **121**) loại tâm.

KĀMĀVACARACITTA – TÂM DỤC GIỚI

I. AKUSALACITTA – TÂM BẤT THIỆN: 12

Là tâm được đi kèm theo bởi 3 Hetu: Lobha, Dosa, Moha. Tâm đó được gọi là Akusala vì nó không lành mạnh về tinh thần, bị chê trách bởi Bậc Hiền Trí và sinh ra những Vipāka đau khổ.

Akusala ở đây thực ra không có nghĩa là xấu ác theo tinh thần đạo đức. VD một người thưởng thức đồ ăn của mình, nếu anh ta ăn với sự dính mắc, hay đôi lúc là khó chịu bởi vì không thích cái gì đó trong đồ ăn, thì việc ăn đó là Bất thiện, là không lành mạnh về tinh thần, và sẽ sinh ra những kết quả đau khổ. Nhưng không thể gọi hành động đó là xấu ác, vô đạo đức.

A. Lobhamūlacitta – Tâm Căn Tham: 08

Trình bày tâm căn Tham trước tiên vì Khaṇa Javana đầu tiên sinh lên trong kiếp hiện hữu bất kỳ của chúng sinh nào, luôn là tâm căn Tham.

Tâm căn Tham bao gồm tất cả những khía cạnh: **Taṅhā**, **Rāga**, **Upādāna**, **Pema**, **Piya**, **Kāma**.

- 4 tâm đồng sinh với thọ Hỷ
  - 2 tâm kết hợp Tà Kiến
    - 1 tâm không cần t/động;
    - 1 tâm cần t/động;
  - 2 tâm ko kết hợp Tà Kiến
    - 1 tâm không cần t/động;
    - 1 tâm cần t/động.
- 4 tâm đồng sinh với thọ Xả
  - 2 tâm kết hợp Tà Kiến
    - 1 tâm không cần t/động;
    - 1 tâm cần t/động;
  - 2 tâm ko kết hợp Tà Kiến
    - 1 tâm không cần t/động;
    - 1 tâm cần t/động.

1. **Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người tự ý Trộm Cắp trái táo với sự thích thú, cho rằng việc này không có tội lỗi gì.
2. **Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người thích thú Trộm Cắp trái táo, do được xúi bảo rằng việc này không có tội lỗi gì.
3. **Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người dù biết Trộm Cắp là sai nhưng vẫn tự động làm với sự thích thú.
4. **Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người dù biết Trộm Cắp là sai nhưng vẫn thích thú làm do có sự xúi bẩy.
5. **Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
6. **Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
7. **Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
8. **Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người miễn cưỡng mua món đồ sau khi được người bán chào mời dai dẳng.

"Sahagata": Cùng sinh lên = *"Saha"*: Cùng nhau + *"Gata"*: Trở thành/sinh khởi.

"Sampayutta": Liên kết với nhau, hoà hợp với nhau, như nước với sữa (Tương Ưng).

"Diṭṭhi": Là nói tới tâm sở Diṭṭhi. Tâm căn Tham có tâm sở Diṭṭhi kết hợp (Hợp Tà) nên thấy sai chấp lầm. Tâm căn Tham không có tâm sở Diṭṭhi kết hợp (Ly Tà) nên không thấy sai, chấp lầm. Nhưng không có nghĩa là tâm căn Tham này Thấy Đúng, mà chỉ là không liên quan đến Tà Kiến mà thôi.

Note cách dịch **"Hợp Tà", **"Ly Tà"**: Từ *"Vippayutta"* nếu được dịch là *"Chia ly"* hay *"Disassociated"*: tách rời, thì có ngụ ý là: ban đầu thì cả 2 kết hợp với nhau và rồi 1 thứ bị tách rời đi. Đây không phải là ý nghĩa thích hợp trong trường hợp này. Từ *"Unassociated"*: không kết hợp, thì thích hợp hơn. Ở đây muốn nói rằng những tâm này **không kết hợp với Tà Kiến**.

"Asaṅkhārika": Không có sự tác động (Vô Trợ). Không suy tính trước, không có sự xúi giục, sai bảo.

"Saṅkhārika": Có sự xúi giục, sự thúc đẩy, sự khuyến khích (Hữu Trợ).

HỎI: *"Có bao nhiêu hành vi xúi dục, sự thúc đẩy làm tâm sinh khởi?"*

ĐÁP: Có sự tác động có 3 cách:

1. **Kāyapayoga** – Hành Vi Của Thân: Do được tác động bởi Thân Biểu Tri, như chỉ tay, vẫy tay, gật đầu…

2. **Vacīpayoga** – Hành Vi Của Ngữ: Do được tác động bởi Ngữ Biểu Tri, như dùng lời thuyết phục, nói lời ca tụng, nói lời động viên khuyến khích…
3. **Manopayoga** – Hành Vi Của Ý: Do tự mình suy nghĩ sâu sắc thấy rõ, biết rõ sự lợi ích, nên phát sinh tâm hài lòng trong việc ấy. Yogī Tu Tiến Samatha, Vipassanā luôn cần đến Manopayoga.

Mỗi cách lại có 2 mô thức: Do tự mình và Do người khác. Do tự mình tác động mình thì có đủ 3 cách. Do người khác tác động thì chỉ có 2 cách là Kāyapayoga và Vacīpayoga mà thôi.

HỎI: *"Nguyên nhân nào để một người có tâm Không Cần Tác Động và tâm Cần Tác Động?"*

ĐÁP: Có 6 nguyên nhân để có tâm Không Cần Tác Động (nguyên nhân ngược lại để có tâm Cần Tác Động):

1. **Asaṅkhārikakammajanitapaṭisandhikatā**: Thức Tái Sinh là Vipāka của Nghiệp Không Cần Tác Động, thì có khuynh hướng có tâm Không Cần Tác Động trong suốt đời sống.

   Có 6 loại Thức Tái Sinh là Vipāka của Nghiệp Không Cần Tác Động là: 2 Dò Xét đồng sinh với thọ Xả + 4 Đại Quả Không Cần Tác Động. Trong đó có 4 tâm đồng sinh với thọ Xả + 2 tâm đồng sinh với thọ Hỷ.

   Trong Thời Bình Sinh, tâm Vipāka làm Chức năng Tái Sinh đó trở thành loại tâm Hộ Kiếp: duy trì đời sống tâm thức, nên hạng người này rất nhạy cảm đối với Đối tượng, có khi Đối tượng không đáng buồn rầu hay vui thích, mà họ vẫn buồn được, vui được, như nhìn thấy chiếc lá vàng rơi, hay thấy mây trôi bàng bạc họ cũng bùi ngùi xúc động hoặc chỉ nghe vài lời pha trò thì họ hân hoan ngay. Hạng người này rất sốt sắng trong công việc dù việc ấy nhỏ nhặt chẳng đáng gì.
2. **Kalalakāyacittatā**: Thân, tâm được an lạc. Khi có sức khỏe tốt, ta không cần phải bị kích động, khuyến khích bởi người khác để làm điều gì đó, vì khi khỏe mạnh thì ta chỉ tự động làm thôi.
3. **Sītuṇhādīnaṃ khamanabahulatā**: Khi không bận tâm về nóng, lạnh thì thường làm việc một cách tự phát. Nếu nhạy cảm với lạnh và khí hậu đang lạnh thì ta phải được khuyến khích hay bị thúc đẩy bởi chính mình hay bởi người khác để làm một điều gì đó.
4. **Kattabbakammesu diṭṭhānisaṃsatā**: Đã từng thấy rõ hiệu quả trong công việc nên làm. Khi tin rằng ta sẽ nhận được kết quả do làm điều gì đó, thì ta sẽ làm ngay mà không cần bị kích động bởi người khác.
5. **Kammesu ciṇṇavasitā**: Có sự tinh thông trong công việc làm ấy. Khi thông thuộc với công việc của mình hay hoạt động nào đó, thì ta sẽ làm một cách tự phát mà không cần sự thúc đẩy.
6. **Utubhojanādisappāyalābho**: Có được đầy đủ thuận lợi về khí hậu, Vật Thực… Với khí hậu tốt, tâm trí của ta minh mẫn và vui vẻ, ta có khuynh hướng làm việc một cách tự phát. Nếu có Vật Thực tốt, ta cũng có cảm thọ tốt, cho nên ta làm việc mà không cần bị thúc đẩy.

* Vì **Kamma** – Nghiệp (Hành động tạo Vipāka): Là "hành động" xuất phát từ "ý muốn làm" (tâm sở Cetanā). Do đó, nếu sự cố ý (Cetanā) mạnh sẽ cho Vipāka mạnh mẽ và ngược lại. Những tâm hành sự với sự thỏa thích (thọ Hỷ), đương nhiên sẽ có sự cố ý mạnh hơn những tâm hành sự với cảm thọ bình thường (thọ Xả). Những tâm mang hiểu biết sai lầm (Tà Kiến) có sự chủ tâm mãnh liệt hơn những tâm không mang hiểu biết sai lầm. Những tâm sinh khởi mau chóng (Không Cần Tác Động) sẽ có cố ý mạnh hơn những tâm gượng gạo bởi sinh khởi nhờ sự trợ giúp nhiều lần vì cần có động cơ thúc đẩy.

* Tâm căn Tham là tâm Bất thiện **có tâm sở Lobha nhiều năng lực**, **dẫn dắt những tâm sở kết hợp**. Tâm Quả Bất Thiện Dò Xét đồng sinh với thọ Xả là Vipāka của Ác Nghiệp trong tâm căn Tham, có Chức năng Tái Sinh kiếp sau Hóa Sinh làm Ngạ quỷ hoặc Asura, chịu Khổ cho đến khi mãn Vipāka của Ác Nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ấy.

- Tâm sở Cetanā kết hợp với tâm căn Tham thứ 1 là Ác Nghiệp mạnh hơn 7 tâm căn Tham còn lại. Bởi vì, tâm căn Tham này đồng sinh với thọ Hỷ, kết hợp Tà Kiến, Không Cần Tác Động.
- Tâm sở Cetanā kết hợp với tâm căn Tham thứ 8 là Ác Nghiệp yếu hơn 7 tâm căn Tham còn lại. Bởi vì, đồng sinh với thọ Xả, Không kết hợp Tà Kiến, Cần Tác Động.

HỎI: *"Nguyên nhân nào để một người lại thường có tâm căn Tham?"*

ĐÁP: Có 4 nguyên nhân trợ cho tâm căn Tham:

1. **Lobhaparivārakammapaṭisandhikatā**: Thức Tái Sinh là Vipāka của Nghiệp có Tư Tiền, Tư Hậu là tâm căn Tham. Như người tạo phước mà mong hưởng trong đời hoặc muốn sinh về cõi ưa thích.
2. **Lobha ussannabhavato cavanatā**: Sự chuyển kiếp của chúng sinh từ cõi giới có tham nhiều. Đời trước quen thụ hưởng Dục Trưởng Dưỡng, nên đời này gặp Ngũ Trần ưa thích cũ thì dễ dàng sinh khởi tâm căn Tham, như ngựa quen đường cũ. Tâm căn Tham Không Cần Tác Động thường phát sinh do nhân này.

3. **Iṭṭhārammaṇasamāyogo**: Tiếp xúc với Đối Tượng Vừa Ý. 4. **Assādadassanaṃ**: Thấy Đối tượng thật đáng hài lòng ham thích.
HỎI: *"Nguyên nhân nào để một người có nhiều tâm căn Tham đồng sinh với thọ Hỷ?"* **ĐÁP:** Do 4 nguyên nhân: 1. **Somanassapaṭisandhikatā**: Thức Tái Sinh là 4 Đại Quả hoặc 4 Quả Sắc Giới đồng sinh với thọ Hỷ. Khi Thức Tái Sinh đồng sinh với thọ Hỷ, thì trong Cơ Tính đã có thọ Hỷ. Như người có sẵn tài sản khi gặp cơ hội thì dễ dàng hơn người không có tài sản sẵn. Đôi lúc ta gặp người mà hầu như lúc nào cũng vui vẻ hay người mà có thói quen sống vui vẻ. 2. **Iṭṭhārammaṇasamāyogo**: Tiếp xúc với Đối Tượng Vừa Ý. 3. **Agambhīrapakatitā**: Thói quen không suy xét sâu sắc. Như đứa trẻ thơ, có người cho nó loại bánh đáng quăng bỏ, nhưng nó vẫn vui thích ngay lúc ấy, vì nó không có sự hiểu hay suy xét sâu. Người có bản chất nông cạn thường hay vui vẻ. 4. **Byasanamutti**: Không gặp 5 loại Thiệt Hại.
HỎI: *"Nguyên nhân nào để một người có nhiều tâm căn Tham đồng sinh với thọ Xả?"* **ĐÁP:** Do 5 nguyên nhân: 1. **Upekkhāpaṭisandhikatā**: Thức Tái Sinh là 4 Đại Quả hoặc Quả Sắc Giới đồng sinh với thọ Xả. Người có Thức Tái Sinh đồng sinh với thọ Hỷ, chỉ cần gặp Đối Tượng Khá Vừa Ý cũng dễ dàng phát sinh Thọ Hỷ, trái lại, người có Thức Tái Sinh đồng sinh với thọ Xả phải gặp Đối Tượng Rất Vừa Ý mới khởi lên thọ Hỷ được. 2. **Majjhattārammaṇasamāyogo**: Tiếp xúc với Đối Tượng Khá Vừa Ý. 3. **Gambhīrapakatikā**: Có thói quen suy xét sâu sắc. Người có bản chất sâu sắc luôn luôn suy nghĩ một cách kỹ lưỡng, cho nên không thường xuyên có sự thoải mái. 4. **Byasanamutti**: Không gặp 5 loại Thiệt Hại. 5. **Mūgadhātukatā**: Người có tính Si mê
HỎI: *"Nguyên nhân nào mà Phàm nhân có Tà Kiến ít nhiều khác nhau?"* **ĐÁP:** Do 5 nguyên nhân sau: 1. **Sassataucchedadiṭṭhijjhāsayatā**: Kiếp sống Quá khứ vốn đã là người nhiều Tà Kiến. 2. **Diṭṭhivippannapuggalasevanatā**: Kiếp sống Hiện tại thường gần gũi thân cận với người có Tà Kiến. 3. **Saddhammavimukhatā**: Không quan tâm đến việc tìm kiếm Chánh Pháp. 4. **Micchāvitakkabahulatā**: Thường sống nhiều với những tư duy sai lầm. 5. **Ayoniso ummujjanaṃ**: Không khéo vượt qua sai lầm.

B. Dosamūlacitta – Tâm Căn Sân: 02

Trình bày tâm căn Sân tiếp sau tâm căn Tham vì: Không có Lobha chắc chắn cũng không có Dosa.

02 tâm đồng sinh với thọ Ưu kết hợp Paṭigha { 01 tâm không cần t/động; 01 tâm cần t/động.

9. **Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
   VD: Người mẹ Lo Lắng cho cô con gái của mình.
10. **Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Cậu con trai Phẫn Nộ sau khi được người bố phân tích cho thấy cậu đã bị người khác lừa.

"Paṭigha" = *"Paṭi"*: Đối lập + *"gha"*: Hiệu ứng, cảm ứng = **Phản cảm**. Paṭigha ở đây là tính cách của tâm sở Dosa, khi tiếp xúc Đối Tượng Nghịch Ý thì "phản cảm". Trong ngữ cảnh như Paṭighānusaya, Paṭighasaṃyojana… thì Paṭigha mới có nghĩa là Thù Oán, Phẫn Nộ… (Khuể Phẫn).

Có Pali chú giải: *"Paṭihaññātīti = paṭighā: Cách xâm phạm đè nén pháp đồng sinh gọi là Paṭigha."* Khi bỏ thuốc độc vào nước, nó sẽ lan ra mọi nơi, cũng như vậy, khi có Paṭigha, nó tràn ngập tâm trí.

Tâm căn Sân bao gồm tất cả các biểu hiện và mức độ từ:

a. **Hiṃsā** – Hung Ác: Là sự khó chịu lên đến cực điểm, hoàn toàn không hài lòng với Đối tượng, ở giai đoạn này tâm không hề chần chừ khi hủy diệt Đối tượng. Chính vì không chịu đựng nổi Đối tượng, bị Đối tượng áp chế, khi hủy diệt xong Đối tượng, tâm như thoát ra sự áp chế, nên bộc

phát trạng thái hài lòng, thỏa thích. Đó là lý do vì sao một người sát hại xong kẻ thù, y thích chí cười vang hoặc vô cùng thỏa mãn.

b. **Palāsa** – Thù Oán (Ác ý), **Kodha** – Phẫn Nộ: Cũng là trạng thái khó chịu cao độ trước Đối tượng, nhưng tâm còn có thể chịu đựng được. Nếu không được kềm chế, sẽ dẫn đến Hiṃsā.
c. **Bhaya** – Sợ Hãi, **Bherava** – Khiếp Đảm: Trạng thái không hài lòng với Đối tượng. Bhaya phát xuất từ bên trong, như kẻ trộm cảm thấy Sợ Hãi khi nghĩ đến hình phạt của vua quan. Còn Bherava xuất phát từ bên ngoài, như một người thấy cảnh tra tấn, hành hạ tội nhân.

   Đức Phật khi còn là Bodhisatta cũng có những Khiếp Đảm khi ở trong rừng Uruvela, nhưng khác với chúng sinh khác khi Khiếp Đảm thì đổi tư thế như bỏ chạy, riêng Ngài vẫn giữ nguyên tư thế và chú niệm diệt trừ Khiếp Đảm ấy, như trong Trung Bộ Kinh/Kinh Sợ Hãi Và Khiếp Đảm: *"Này Brahmin, rồi Ta suy nghĩ: "Sao Ta ở đây, chỉ để mong đợi sự Sợ Hãi, Khiếp Đảm chớ không gì khác? Trong bất cứ hành vi cử chỉ nào của Ta mà Sợ Hãi, Khiếp Đảm ấy đến, trong hành vi cử chỉ ấy, Ta hãy trừ diệt Sợ Hãi, Khiếp Đảm ấy."*

d. **Soka** – Lo Lắng (Sầu)
e. **Parideva** – Khóc Than (Bi)
f. **Dukkha** – Đau Đớn (Khổ)
g. **Domanassa** – Ưu Sầu (Ưu)
h. **Upāyāsa** – Ai Oán (Não/Tuyệt Vọng)

* Tâm căn Sân là tâm Bất thiện có **tâm sở Dosa nhiều năng lực, dẫn dắt những tâm sở kết hợp,** làm khổ tâm trong kiếp Hiện tại và vô số kiếp Tương lai. Tâm Quả Bất Thiện Dò Xét đồng sinh với thọ Xả là Vipāka của Ác Nghiệp trong tâm căn Sân, có Chức năng Tái Sinh kiếp sau Hóa Sinh làm chúng sinh trong Địa ngục, chịu Khổ cho đến khi mãn Vipāka của Ác Nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ấy.

- Tâm sở Cetanā kết hợp với tâm căn Sân thứ 1 là Ác Nghiệp có năng lực mạnh, bởi vì tâm căn Sân này đồng sinh với thọ Ưu, kết hợp Paṭigha, Không Cần Tác Động.
- Tâm sở Cetanā kết hợp với tâm căn Sân thứ 2 là Ác Nghiệp có năng lực yếu hơn, bởi vì tâm căn Sân này gồm cả 2 tâm sở Thīna và Middha, đồng sinh với thọ Ưu, kết hợp Paṭigha, Cần Tác Động.

HỎI: *"Nguyên nhân nào mà một người lại thường có tâm căn Sân?"*
ĐÁP: Có 5 nguyên nhân:
1. **Dosajjhāsayatā**: Người có khuynh hướng Sân.
2. **Agambhīrapakatitā**: Thói quen không suy xét sâu sắc.
3. **Appassutatā**: Người có ít học hỏi, kém hiểu biết trong các Thiện pháp.
4. **Aniṭṭhārammaṇasamāyogo**: Tiếp xúc với Đối Tượng Nghịch Ý.
5. **Āghātavatthusamāyogo**: Tiếp xúc với những Hiềm Khích Sự.

C. Mohamūlacitta – Tâm Căn Si: 02

02 tâm đồng sinh với thọ Xả kết hợp { Hoài Nghi / Mông Lung }

11. Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ
VD: Một người ngờ vực về Nghiệp và Quả của Nghiệp.

12. Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ
Là tâm bị động tiếp Đối tượng một cách lộn xộn, tâm không ổn định, chưa hết chuyện này đã qua chuyện khác. VD: Một học sinh không có khả năng tập trung khi thầy giảng bài.

Tâm căn Si dù tiếp xúc với Đối Tượng Vừa Ý hay Đối Tượng Nghịch Ý vẫn bình thản (thọ Xả), bởi vì si mê không nhận thức giá trị của Đối tượng ấy, cho nên chúng không tận hưởng hương vị của Đối tượng một cách đầy đủ như tâm căn Tham và tâm căn Sân.

Ở đây cần phân biệt Tâm căn Si và Tâm sở Moha. Tâm sở Moha kết hợp với tất cả 12 Bất thiện. Riêng 2 tâm căn Si này chỉ nói đến 2 phương diện là *"sự lưỡng lự"* và *"Sự tán loạn"*.

"Vicikicchā": Chỉ tâm sở Vicikichā. Tâm sở Vicikichā chỉ kết hợp với tâm căn Si.

"Uddhacca": Chỉ tâm sở Uddhacca. Tâm sở Uddhacca kết hợp với tất cả 12 Bất thiện, nhưng chỉ trong tâm này, tâm sở Uddhacca là nổi bật nên được mô tả riêng. Trong những tâm Bất thiện khác có những tâm sở khác hoạt động mạnh hơn cho nên tâm sở Uddhacca không thể hiển lộ rõ ràng.

* **Tâm căn Si đều là tâm Không Cần Tác Động**. Hoài Nghi hay Mông Lung đều tự nhiên sinh khởi.

* Tâm căn Si là tâm Bất thiện có **tâm sở Moha nhiều năng lực, dẫn dắt những tâm sở kết hợp**, không chỉ không biết thực tính của các Pháp, mà còn không biết tính chất tốt xấu của Đối tượng nữa, làm cho tâm si mê trong kiếp sống Hiện tại và các kiếp sống Tương lai.

- Tâm sở Cetanā kết hợp với tâm căn Si kết hợp Hoài Nghi là Ác Nghiệp cho Vipāka là tâm Quả Bất Thiện Dò Xét đồng sinh với thọ Xả có Chức năng Tái Sinh trong loài Động vật, chịu Khổ cho đến khi mãn Vipāka của Ác Nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi kiếp Động vật.
- Tâm sở Cetanā kết hợp với tâm căn Si kết hợp Mông Lung là Ác Nghiệp nhẹ không có khả năng cho Vipāka trong Thời Tái Sinh, mà chỉ có khả năng cho Vipāka trong Thời Bình Sinh mà thôi.

II. AHETUKACITTA – TÂM VÔ NHÂN: 18

Những tâm này sinh lên không được kết hợp với Hetu nào trong 6 Hetu.

Trong Tạng Thắng Pháp, tâm Vipāka và tâm Kiriya được gọi chung là **Abyākata** – Bất Định.

A. Akusalavipākacitta – Tâm Quả Bất Thiện: 07

Là Vipāka của Ác Nghiệp trong 12 tâm Bất thiện bởi Dị Thời Nghiệp Duyên. Do trong 12 Bất thiện đều có tâm sở Uddhacca làm cho Ác Nghiệp yếu, nên không có khả năng cho Vipāka là tâm Quả Hữu nhân. Vì là Vipāka của Ác Nghiệp nên những tâm này chuyên bắt Đối Tượng Nghịch Ý.

1. **Upekkhāsahagataṃ Cakkhuviññāṇaṃ** – Nhãn Thức đồng sinh với thọ Xả.
   VD: Khi thấy một cái gì đó không thích, thì trải nghiệm loại tâm này.
2. **Upekkhāsahagataṃ Sotaviññāṇaṃ** – Nhĩ Thức đồng sinh với thọ Xả.
   VD: Khi nghe một Âm thanh không thích hay quá ồn, thì trải nghiệm loại tâm này.
3. **Upekkhāsahagataṃ Ghānaviññāṇaṃ** – Tỷ Thức đồng sinh với thọ Xả.
4. **Upekkhāsahagataṃ Jivhāviññāṇaṃ** – Thiệt Thức đồng sinh với thọ Xả.
5. **Dukkhasahagataṃ Kāyāviññāṇaṃ** – Thân Thức đồng sinh với thọ Khổ.
   VD: Khi có sự Đau Đớn trong thân xác, thì trải nghiệm cái đau đó bằng loại tâm này.
6. **Upekkhāsahagataṃ Sampaṭicchanaṃ** – Tiếp Nhận đồng sinh với thọ Xả.
7. **Upekkhāsahagataṃ Santīraṇaṃ** – Dò Xét đồng sinh với thọ Xả.

B. Ahetukakusalavipākacitta – Tâm Quả Thiện Vô Nhân: 08

Là Vipāka của Thiện Nghiệp trong 8 Đại Thiện qua Dị Thời Nghiệp Duyên. Do bị Phiền Não phát sinh xen lẫn khiến Thiện Nghiệp trong 8 Đại Thiện có năng lực yếu, không thể cho Vipāka là 8 Đại Quả. Là Vipāka của Thiện Nghiệp nên những tâm này chuyên bắt những Đối Tượng Vừa Ý.

1. **Upekkhāsahagataṃ Cakkhuviññāṇaṃ** – Nhãn Thức đồng sinh với thọ Xả.
   Nếu ta thấy một cái gì đó đẹp, ta trải nghiệm loại tâm này.
2. **Upekkhāsahagataṃ Sotaviññāṇaṃ** – Nhĩ Thức đồng sinh với thọ Xả.
   Nếu ta nghe một âm thanh êm dịu, ta trải nghiệm loại tâm này.
3. **Upekkhāsahagataṃ Ghānaviññāṇaṃ** – Tỷ Thức đồng sinh với thọ Xả.
   Nếu ta ngửi một mùi thơm, ta trải nghiệm loại tâm này.
4. **Upekkhāsahagataṃ Jivhāviññāṇaṃ** – Thiệt Thức đồng sinh với thọ Xả.
5. **Sukhasahagataṃ Kāyāviññāṇaṃ** – Thân Thức đồng sinh với thọ Lạc.
   Nếu cơ thể của ta đụng chạm một vật đáng hài lòng để chạm vào, ta có loại tâm này.
6. **Upekkhāsahagataṃ Sampaṭicchanaṃ** – Tiếp Nhận đồng sinh với thọ Xả.
7. **Upekkhāsahagataṃ Santīraṇaṃ** – Dò Xét đồng sinh với thọ Xả.
   Khi Đối Tượng Khá Vừa Ý, thì tâm Dò Xét đồng sinh với thọ Xả.
8. **Somanassahagataṃ Santīraṇaṃ** – Dò Xét đồng sinh với thọ Hỷ.
   Khi Đối Tượng Rất Vừa Ý thì tâm Dò Xét đồng sinh với thọ Hỷ.

"Vipāka": Quả (Kết Quả): Có nghĩa là một cái gì đó đã chín muồi hay đã trưởng thành. Từ này chỉ được dùng cho Nāma thôi. Có những Rūpa cũng là kết quả của Nghiệp, nhưng Rūpa thì không được gọi là Vipāka. Bởi Nghiệp là một Nāma cho nên kết quả cũng phải thuộc về Nāma để kết quả (Vipāka) phải là đồng nhất với nguyên nhân (Hetu).

VD: Để trồng lúa, ta gieo hạt giống, rồi hạt giống nảy mầm thành cây, cho đến khi cây có hạt ta mới nói là đã "chín muồi". Tuy rằng những cái lá trên cây vẫn được gọi là kết quả của hạt giống, nhưng hạt chứ không phải lá, thân, rễ mới được gọi là lúa.

Cũng vậy, tuy Sắc Nghiệp Tạo cũng được tạo ra do Nghiệp Quá khứ nhưng chúng ko được gọi là Vipāka, vì chúng không giống hệt với nguyên nhân, tức là thuộc về Citta, Cetasika và bắt Đối tượng.

*** *Note***: Theo Tạng Kinh, hạnh phúc và bất hạnh được mô tả như sự giàu sang, may mắn, nghèo khổ, xui xẻo… Theo Tạng Thắng Pháp, tất cả hạnh phúc, bất hạnh trong đời đều do Thấy, Nghe, Ngửi, Nếm, Xúc Chạm Đối Tượng Vừa Ý hay Đối Tượng Nghịch Ý.

Dvipañcaviññāṇa – Ngũ Song Thức: 5 cặp Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức.

Trong đó, Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức luôn đồng sinh với thọ Xả, không phụ thuộc vào chất lượng của Đối tượng. Tức là, nếu tiếp xúc với Đối Tượng Nghịch Ý hay Đối Tượng Vừa Ý thì Thọ trong Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức chẳng có gì khác nhau cả.

Chỉ có Thân Thức đồng sinh với thọ Lạc hay thọ Khổ, tùy thuộc vào chất lượng của Đối tượng.

HỎI: *"Tại sao Thân Thức lại có 2 loại Thọ? Trong khi 4 cặp Thức còn lại chỉ có 1 loại Thọ là thọ Xả?"*

ĐÁP: Sắc Thần Kinh là những Sắc Y Sinh được coi là mềm, như những trái bóng bằng bông. Sắc Cảnh Sắc, Sắc Cảnh Thanh, Sắc Cảnh Khí, Sắc Cảnh Vị cũng là những Sắc Y Sinh, cũng được coi là mềm như vậy.

Sắc Cảnh Xúc thì là sự kết hợp của Pathavī dhātu, Tejo dhātu, Vāyo dhātu. Cảnh Xúc được coi là cứng.

Việc Thấy cái gì đó thì giống như đặt một trái trái bóng bằng bông trên cái đe và đập nó với một trái trái bóng bằng bông khác: không có tác động mạnh. Cho nên ở đây luôn luôn có thọ Xả.

Việc Xúc chạm cái gì đó thì giống như đặt một trái bóng bằng bông trên cái đe và gõ nó với một vật cứng, sự tác động này là mạnh. Nếu Đối Tượng Vừa Ý, thọ Lạc sẽ sinh lên. Nếu Đối Tượng Nghịch Ý, thọ Khổ sẽ sinh lên.

HỎI: *"Chạm mạnh vào con mắt hay khi những Âm thanh lớn dội vào lỗ tai làm Đau Đớn thì là tâm nào?"*

ĐÁP: Đây là Thân Thức đồng sinh với thọ Khổ, không phải Nhãn Thức, Nhĩ Thức.

HỎI: *"Tại sao tâm Quả Thiện Vô Nhân Dò Xét đồng sinh với thọ Xả hoặc thọ Hỷ tùy thuộc chất lượng của Đối tượng, nhưng tâm Quả Bất Thiện Dò Xét lại chỉ đồng sinh với thọ Xả mà không có thọ Ưu tùy thuộc theo Đối tượng?"*

ĐÁP: Giả sử thọ Ưu sinh lên, thì Dosa cũng sinh lên. Vì ở đâu có thọ Ưu thì ở đó có Dosa, chúng không thể tách rời được. Nhưng tâm sở Dosa sẽ không sinh lên ở đây được bởi vì Dosa là Akusala chứ không phải là Vipāka. Akusala và Vipāka khác nhau về bản chất, về chủng loại.

C. Ahetukakiriyacitta – Tâm Duy Tác Vô Nhân: 03

1. **Upekkhāsahagataṃ Pañcadvārāvajjanacittaṃ** – Hướng Ngũ Môn đồng sinh với thọ Xả.
2. **Upekkhāsahagataṃ Manodvārāvajjanacittaṃ** – Hướng Ý Môn đồng sinh với thọ Xả.
3. **Somanassasahagataṃ Hasituppādacittaṃ** – Tiếu Sinh Tâm đồng sinh với thọ Hỷ.

   "Hasita": nụ cười + *"Uppāda"*: sản sinh, làm cho cái gì đó xảy ra = ***"Hasituppādacitta"***: Tâm làm sinh khởi nụ cười theo thói quen của Vị Thánh Arahant. Đối tượng có thể là đáng cười, có thể là không đáng cười, như khi bị mắng cũng cười, được khen ngợi cũng cười…

III. KĀMĀVACARASOBHANACITTA – TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO: 24

"Sobhana": Đẹp (Tịnh Hảo/Tịnh Quang). ***"Tịnh Hảo"*** mang ý nghĩa rộng hơn Kusala vì tâm Vipāka và Kiriya cũng được gọi là Tâm Tịnh Hảo do chúng cũng kết hợp 2 hay 3 Hetu: Alobha, Adosa, Amoha.

A. Kāmāvacarakusalacitta – Tâm Thiện Dục Giới: 08

Là tâm được đi kèm theo bởi 3 Hetu: Alobha, Adosa, Amoha. Những tâm này lành mạnh về tinh thần, không bị chê trách bởi Bậc Hiền Trí, và sản sinh ra những Vipāka tốt đẹp.

4 tâm đồng sinh với thọ Hỷ:
- 2 tâm kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động;
- 01 tâm không cần t/động;

2 tâm không kết hợp Ñāṇa — 01 tâm cần t/động.

4 tâm đồng sinh với thọ Xả:
- 2 tâm kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động;
- 2 tâm không kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động.

1. **Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người hiểu về Nghiệp và Quả của Nghiệp nên vui vẻ tự nguyện Xả Thí.
2. **Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người hiểu về Nghiệp và Quả của Nghiệp vui vẻ đi Nghe Pháp nơi bạn giới thiệu.
3. **Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người vui vẻ Xả Thí cho người ăn mày trong khi không hiểu về Nghiệp và Quả.
4. **Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người vui vẻ giao tiền từ thiện theo ủy thác mà không hiểu về Nghiệp và Quả.
5. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người hàng ngày Phục Vụ trong chùa với hiểu biết về Nghiệp và Quả của Nghiệp.
6. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
   VD: Một người được nhờ chẻ củi, làm không hào hứng nhưng vẫn biết đây là Thiện Nghiệp.
7. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
8. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**

*8 tâm này còn gọi là **Mahākusalacitta** – Tâm Đại Thiện, do có khả năng đặc biệt rộng lớn như sau:
- Tâm Đại Thiện sinh cho nhiều hạng người gồm: 4 hạng Phàm nhân và 3 Bậc Thánh Hữu Học. Và hiện khởi trong trong 30 cõi (31 – Cõi Vô Tưởng)
- Tâm Đại Thiện tạo được 10 Phước thiện, thông qua cả Thân Thiện Nghiệp, Ngữ Thiện Nghiệp, Ý Thiện Nghiệp.
- Tâm Đại Thiện tạo ra nhiều loại tâm Vipāka, thành tựu cả Hiện Báo Nghiệp, Sinh Báo Nghiệp, Hậu Báo Nghiệp.
- Tâm Đại Thiện **là nền tảng** cho Tu Tiến Samatha đến chứng đạt 5 Thiền Sắc, 4 Thiền Vô Sắc; Tu Tiến Vipassanā đến chứng ngộ 4 Ariyasacca, chứng đạt 4 Magga, 4 Phala, Nibbāna; là tâm sơ khởi trong Lộ Trình Chứng Đạt Jhāna, Lộ Trình Nhập Jhāna, Lộ Trình Abhiññā, Lộ Trình Nhập Thánh Đạo… với tên gọi Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Chuyển Tính.
- Tâm Đại Thiện biết nhiều Đối tượng hơn các loại tâm Kusala khác, tức là biết Cảnh Sắc, Cảnh Thanh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Cảnh Pháp. Tâm Đại Thiện kết hợp Ñāṇa có khả năng đạt đến Chuyển Tính Tuệ nắm bắt Nibbāna, Phản Khán Tuệ quán triệt Magga, Phala đã chứng đạt, Nibbāna đã chứng ngộ, Phiền Não nào đã diệt tận, Phiền Não nào chưa diệt.

HỎI: *"Nguyên nhân nào để một người lại có nhiều tâm Đại Thiện đồng sinh với thọ Hỷ?"*

ĐÁP: Có 6 nguyên nhân:
1. **Somanassapaṭisandhikatā**: Thức Tái Sinh đồng sinh với thọ Hỷ.
   Người trong Cơ Tính có sẵn thọ Hỷ, trong lúc thực hiện điều Thiện cho dù là chút ít, việc Thiện ấy không đáng phát sinh thọ Hỷ, có thể khiến phát sinh bất toại nguyện hoặc có trạng thái thản nhiên, nhưng đối với người này cũng dễ dàng phát sinh thọ Hỷ. Như thấy người tự tiện dùng đồ vật của mình, nghĩ rằng: *"Có cơ hội làm Phước"* nên vui mừng. Hạng người này khi thực hiện việc lành nào đó, thường có sự hân hoan hiện lên nét mặt, do có Thức Tái Sinh đồng sinh với thọ Hỷ.
2. **Saddhābahulatā**: Có nhiều đức tin. Người có nhiều đức tin có 7 đặc tính là:
   - **Muttacāgatā**: Thường có tâm xả ly.
   - **Ariyānaṃ dassenakāmatā**: Mong mỏi được gặp Thánh nhân.
   - **Saddhammaṃ sokamatā**: Mong mỏi được nghe Phật pháp.
   - **Pāmojjabahulatā**: Thường có tâm hoan hỷ (với việc Thiện).
   - **Asathatā**: Ít khoe khoang về mình.
   - **Amāyāvitā**: Không Xảo Trá (có sự chân thật).
   - **Pasādanīyesu Thānesu Pasādo**: Tịnh tín nơi đáng tịnh tín.

3. **Visuddhadiṭṭhitā**: Có tri kiến thanh tịnh (về Nghiệp và Quả của Nghiệp).
4. **Ānisaṃsadassāvitā**: Thấy rõ quả báu của Thiện Nghiệp.
5. **Iṭṭhārammaṇasamāyogo**: Tiếp xúc với Đối Tượng Vừa Ý.

Đối Tượng Vừa Ý để phát sinh thọ Hỷ của tâm căn Tham thường là Ngũ Trần xinh đẹp, hấp dẫn lòng ham muốn hoặc hợp theo ý thích riêng biệt, có tác dụng đưa đến hưởng thụ theo ý hướng riêng. như có hạng chúng sinh thích xem đánh đấm, thích nghe tranh cãi…

Đối Tượng Vừa Ý để phát sinh thọ Hỷ của tâm Đại Thiện là Đối tượng dẫn đến sự thỏa thích chân chính, như vật thực thượng vị, vật dụng tốt để cúng dường, hoặc người thọ thí là bậc có Giới hạnh…

6. **Kassacipiḷābhāvo**: Không gặp điều bất lợi nào.

Thọ Hỷ này sinh khởi do duyên thuận lợi khi làm Thiện pháp, khi thực hiện không bị trở ngại gì, tâm thơi thới an vui. Như khi Xả Thí thì có vật dụng sẵn sàng, khi Nghe Pháp thì việc nhà đã ổn định, khi Tu Tiến Vipassanā thì được thuận lợi như gặp thiền sư, trú xứ thích hợp, Pháp dễ sanh khởi…

HỎI: *“Nguyên nhân nào để một người lại có nhiều tâm Đại Thiện đồng sinh thọ Xả?”*

ĐÁP: Có 6 nguyên nhân:

1. **Upekkhāpaṭisandhikatā**: Thức Tái Sinh đồng sinh với thọ Xả.
2. **Appasaddhatā**: Có ít đức tin.
3. **Avisuddhadiṭṭhitā**: Có tri kiến không thanh tịnh.
4. **Ānisaṃsa adassāvitā**: Không thấy rõ quả báu của Thiện Nghiệp ấy.
5. **Majjhattārammaṇasamāyogo**: Tiếp xúc với Đối Tượng Khá Vừa Ý.
6. **Kassacipiḷikatā**: Gặp điều bất lợi nào đó.

HỎI: *“Sự khác nhau của yếu tố Cần Tác Động giữa tâm Bất thiện và tâm Đại thiện?”*

ĐÁP: Sự Cần Tác Động của tâm Bất thiện phần lớn do 2 tâm sở Thīna, tâm sở Middha chi phối. Như người bị cơn buồn ngủ chi phối, nên không muốn nghe, nói hay làm ì cả, không bắt Đối tượng rõ rệt.

Còn sự Cần Tác Động của tâm Đại Thiện là do 2 tâm sở Thích Tánh, tâm sở Thích Tâm yếu kém. Khi 2 tâm sở này không có sức mạnh thì tâm lui sụt.

Chính do 4 loại tâm sở này khiến cho tâm sở Cetanā giảm sức mạnh. Do đó, có thể nói rằng *“Tâm Không Cần Tác Động cho Vipāka mạnh hơn tâm Cần Tác Động”*.

* **Ñāṇa** – Tri Kiến (Trí): Kiến thức, sự hiểu biết. Ñāṇa ở đây nghĩa là Trí Hiểu Rõ Nghiệp Là Của Riêng Mình và Trí Minh Sát Hiệp Thế.

Pháp Thực Tính: Tâm sở Paññā.

Tâm Đại Thiện không kết hợp Ñāṇa có ít năng lực hơn tâm Đại Thiện kết hợp Ñāṇa.

HỎI: *“Tại sao một số người có tâm Đại Thiện kết hợp Ñāṇa sinh lên thường xuyên hơn người khác?”*

ĐÁP: Có 5 nguyên nhân như sau:

1. Nguyên nhân đầu tiên là do trong Quá khứ, những Nghiệp Trí dẫn đến việc sở hữu Ñāṇa đã được thực hiện. Trong những kiếp sống Tương lai, tâm Đại Thiện của người thực hiện Nghiệp Trí sẽ hầu như luôn luôn được đi kèm theo với Ñāṇa. Có 9 Nghiệp Trí là: Thuyết Pháp (1). Dạy nghề không tội lỗi (2). Dạy chuyện không tội lỗi: Nhắc lại tích xưa, những câu chuyện cổ nhân đã dùng trí mà không phải tạo tội, hay là những sáng kiến mà cổ nhân đã làm và gặt hái thành công (3). Dạy tài không tội lỗi: Chỉ dạy và giúp đỡ cho người khác phát triển khả năng đặc biệt của họ, miễn là những tài năng đó không tạo nên Ác Nghiệp (4). Trọng người thuyết pháp (5). Cầu người thuyết pháp cho nghe (6). Ước nguyện có Ñāṇa: Khi thực hiện Thiện Nghiệp, người đó ước nguyện rằng: *“Nguyện cho tôi sẽ là một người khôn ngoan, nguyện cho tôi sẽ có Ñāṇa trong Tương lai”* (7). Nghiên cứu, phiên dịch, soạn thảo những sách về triết lý cao siêu hoặc Tam Tạng (8). Truyền bá Tam Tạng (9).
2. **Abyāpajjalokupapattiyā**: Kiếp tái sinh không có phiền muộn, tâm mong mỏi trong Thiện pháp. VD: Tái sinh làm Phạm thiên. Kinh sách ghi nhận rằng các vị Phạm thiên không có sự tức giận. Sự giận dữ là một trạng thái tinh thần làm yếu đi sự hiểu biết. Những điều kiện trong Phạm Thiên Giới cũng tốt hơn nhiều so với Dục Giới. Cho nên, các Phạm thiên có xu hướng có tâm Đại Thiện kết hợp Ñāṇa nhiều hơn những chúng sinh khác.
3. **Indriyaparipākatā**: Sự trưởng thành của Ngũ Quyền. Khi những Indriya này trưởng thành, ta có khuynh hướng có tâm Đại Thiện kết hợp Ñāṇa. Giả sử rằng Nhân loại sống đến 100 tuổi: 10 năm đầu

được gọi là thập niên dịu mềm, trẻ con từ lúc mới sinh cho đến 10 tuổi cho nên còn yếu. 10 năm thứ 2 là thập niên của sự năng động của cơ thể, chứa đựng những hạnh phúc và niềm vui. 10 năm thứ 3 là thập niên của sắc đẹp. 10 năm thứ 4 là thập niên của sức mạnh. 10 năm thứ 5 là thập niên của sự khôn ngoan, đây là thời điểm mà Tuệ Quyền trưởng thành, bất kỳ suy nghĩ cái gì, ta đều có những đáp án tốt và có kiến thức thâm sâu. Đây là thập niên của Ñāṇa, là thời điểm tốt nhất không chỉ để học hỏi mà còn để giảng dạy, để viết một cuốn sách... 10 năm thứ 6 thì sẽ có sự giảm thiểu về sức khỏe thân xác cũng như trí óc, ta có xu hướng quên nhiều và trở nên yếu đi. 10 năm thứ 7 thì trở thành một người già còng lưng. 10 năm thứ 8 không những còng mà còn gập nữa. 10 năm thứ 9 thì Momūha, tức là thập niên Già Yếu. Trong giai đoạn này, ta chẳng nhớ gì nhiều, ta còn không biết mình đang làm gì nữa, như là bị lẩm cẩm. 10 năm thứ 10 thì nằm trên giường chờ Chết.

4. **Kilesadūratā**: Tránh xa những Kilesa. Nếu muốn thông minh, hiểu biết, thì đừng để có Kilesa trong tâm trí. Nếu không thể hủy diệt chúng một cách trọn vẹn, ta vẫn có thể làm cho chúng không khởi lên trong tâm trí bằng Tu Tiến Samatha. Điều này rất quan trọng. Nếu Tu Tiến cả Vipassanā và Samatha, thì những Phiền Não sẽ không sinh khởi lên trong suốt một thời gian.
5. **Paññāsaṃvattanikakammupanissayatā**: Thức Tái Sinh kết hợp Ñāṇa. Người có Thức Tái Sinh kết hợp Ñāṇa có khuynh hướng có nhiều tâm kết hợp Ñāṇa. Nhưng đây là Vipāka của Nghiệp, ta chẳng thể làm gì được.

B. Sahetukakāmāvacaravipākacitta – Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân: 08

4 tâm đồng sinh với thọ Hỷ:
- 2 tâm kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động;
- 2 tâm không kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động.

4 tâm đồng sinh với thọ Xả:
- 2 tâm kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động;
- 2 tâm không kết hợp Ñāṇa
  - 01 tâm không cần t/động;
  - 01 tâm cần t/động.

1. **Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
2. **Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
3. **Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
4. **Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
5. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
6. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ**
7. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇaavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ**
8. **Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.**

Mahāvipākacitta – Tâm Đại Quả là Vipāka của Thiện Nghiệp trong tâm Đại Thiện thông qua Dị Thời Nghiệp Duyên. Tâm Đại Quả làm Chức năng: Tái Sinh, Hộ Kiếp, Chết, Na Cảnh.

Mỗi tâm Đại Quả tương xứng với một tâm Đại Thiện. Mặc dù cùng là Vipāka của 8 tâm Đại Thiện, nhưng tâm Đại Quả thù thắng hơn những tâm Quả Thiện Vô Nhân, vì chúng được thành tựu bởi những tâm Đại Thiện kết hợp Ñāṇa và có Tam Tư.

Tâm Đại Thiện có thể sinh lên trong tâm ý của Phạm thiên, tức là trong Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Nhưng 8 Đại Quả chỉ sinh lên trong Dục Giới, vì chúng là Vipāka của 8 tâm Đại Thiện.

HỎI: *"Ñāṇa đóng vai trò gì trong các tâm Đại Quả?"*
ĐÁP: Ñāṇa trong các tâm Đại Quả làm nền tảng cho Ñāṇa Tu Tiến trong đời sống Hiện tại phát huy được.

C. Sahetukakāmāvacarakiriyacitta – Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân: 08

Kiriya (**Kriyā**) – Duy Tác (Tố/Vô Hiệu): Tâm Kiriya chỉ đơn thuần sinh lên hoàn thành một chức năng nào đó rồi mất đi mà không để lại dư sót (Vipāka).

01 tâm không cần t/động;

	2 tâm kết hợp Ñāṇa	01 tâm cần t/động;
4 tâm đồng sinh với thọ Hỷ:		01 tâm không cần t/động;
	2 tâm không kết hợp Ñāṇa	01 tâm cần t/động.
		01 tâm không cần t/động;
	2 tâm kết hợp Ñāṇa	01 tâm cần t/động;
4 tâm đồng sinh với thọ Xả:		01 tâm không cần t/động;
	2 tâm không kết hợp Ñāṇa	01 tâm cần t/động.

8 tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân còn gọi là **Mahākiriyacitta** – Tâm Đại Duy Tác (Đại Tố) với cùng nguyên do gọi là tâm Đại Thiện. Tâm Đại Duy Tác nhìn tương tự như 8 tâm Đại Thiện, nhưng 8 tâm Đại Duy Tác chỉ phát sinh đối với Vị Thánh Arahant mà thôi. Vị Thánh Arahant đã diệt tận được mọi Avijjā và Taṇhā không còn dư sót. Ngài không bị Avijjā ngăn che Tuệ Nhãn, Ngài không có sự bám víu vào kết quả, nên tạo mọi Phước thiện mà không có Vipāka của Phước thiện trong Tương lai.

Đối với Bậc Thánh Hữu Học vẫn còn ít Avijjā và Taṇhā, khi tạo Phước thiện nào thì chắc chắn có Vipāka của Phước thiện ấy cả trong kiếp Hiện tại lẫn Tương lai, vì các Ngài vẫn còn tái sinh trong 7 Cõi Vui Dục Giới, 15 Sắc Giới, 4 Vô Sắc Giới, có giới hạn tùy theo mỗi bậc Thánh nhân, rồi chắc chắn sẽ trở thành Vị Thánh Arahant, tịch diệt Nibbāna, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong Tam giới.

Điều cần ghi nhận là Vị Thánh Arahant và Đức Phật tuy làm Thiện Nghiệp mà không có Vipāka, nhưng các Ngài vẫn nhận 23 Quả Dục Giới sinh ra do những Thiện Nghiệp hay Ác Nghiệp mà các Ngài đã làm trước khi chứng đạt Magga, Phala.

Trường hợp Vị Thánh Arahant sử dụng những Oai Nghi bình thường theo thói quen như đi, đứng, ngồi, nằm, co tay vào, duỗi tay ra, đại tiện, tiểu tiện… chỉ cần có tâm sở Sati cũng đủ, các Ngài dùng tâm Đại Duy Tác không kết hợp Ñāṇa (cũng vậy với Tiền Khiên Tật). Những lúc cần Ñāṇa như Thuyết Pháp, Tu Tiến, Lộ Trình Phản Khán Tuệ… thì các Ngài dùng tâm Đại Duy Tác kết hợp Ñāṇa.

Trường hợp cần phải phán đoán cẩn thận thì các Ngài dùng tâm Đại Duy Tác Cần Tác Động, còn lúc bình thường thì dùng tâm Đại Duy Tác Không Cần Tác Động.

RŪPAVACARACITTA – TÂM SẮC GIỚI

Tâm Dục Giới gồm Kusala, Akusala, Vipāka, Kiriya. Tâm Sắc Giới chỉ có Kusala, Vipāka, Kiriya.

** Note: Điều cần ghi nhận là Tâm Dục Giới không chỉ biết Đối tượng thuộc Dục Giới, cũng không phải chỉ xuất hiện tại Cõi Dục Giới. Trong khi Tâm Sắc Giới chỉ biết Định tướng của nó, Tâm Siêu Thế chỉ biết Đối tượng Nibbāna. Các Đức Phật, các vị Phạm thiên… vẫn sử dụng Tâm Dục Giới trong sinh hoạt thường ngày.*

Có 2 loại Kusala đó là: **Bhāvetabba** – Cần Phải Tu Tiến và **Sacchikātabba** – Cần Phải Chứng Đạt. Tâm Thiện Dục Giới là Kusala Cần Phải Tu Tiến, tâm Thiện Sắc Giới, Thiện Vô Sắc Giới, Thiện Siêu Thế là Kusala Cần Phải Chứng Đạt.

Do Tu Tiến Samatha, Yogī là Người Tam Nhân có thể chứng đạt **Rūpajhāna** – Thiền Sắc rồi tới **Arūpajhāna** – Thiền Vô Sắc. An trú trong Thiền Sắc gọi là **Sukhavihāra** – Lạc Trú, an trú trong Thiền Vô Sắc gọi là **Santivihāra** – Tịnh Trú.

Tạng Thắng Pháp phân theo hệ thống ***"Pañcakajhāna"***: 5 Jhāna, vì nói theo Chi Thiền.

Tạng Kinh phân theo hệ thống ***"Catukkajhāna"***: 4 Jhāna vì nói theo Cõi Sắc Giới gồm: Cõi Sơ Thiền, Cõi Nhị Thiền, Cõi Tam Thiền và Cõi Tứ Thiền.

I. RŪPĀVACARAKUSALACITTA – TÂM THIỆN SẮC GIỚI: 05

Tâm Thiện Sắc Giới là những tâm có thể chứng đạt trong 22 Cõi Vui Ngũ Uẩn, do Tu Tiến Samatha trên 26 Đề mục (30 – 4 Đề mục Vô Sắc).

1. **Vitakkavicārapītisukhekaggatāsahitaṃ Paṭhamajjhānakusalacittaṃ** – Tâm **Thiện Sơ Thiền** gồm 05 Chi Thiền: Vitakka, Vicāra, Pīti, Sukha, Ekaggatā.
2. **Vicārapītisukhekaggatāsahitaṃ Dutiyajjhānakusalacittaṃ** – Tâm **Thiện Nhị Thiền** gồm 04 Chi Thiền: Vicāra, Pīti, Sukha, Ekaggatā.
3. **Pītisukhekaggatāsahitaṃ Tatiyajjhānakusalacittaṃ** – Tâm **Thiện Tam Thiền** gồm 03 Chi Thiền: Pīti, Sukha, Ekaggatā.
4. **Sukhekaggatāsahitaṃ Catutthajjhānakusalacittaṃ** – Tâm **Thiện Tứ Thiền** gồm 02 Chi Thiền: Sukha, Ekaggatā.
5. **Upekkhekaggatāsahitaṃ Pañcamajjhānakusalacittaṃ** – Tâm **Thiện Ngũ Thiền** gồm 02 Chi Thiền: Upekkhā, Ekaggatā.

II. RŪPĀVACARAVIPĀKACITTA – TÂM QUẢ SẮC GIỚI: 05

Là Vipāka thành tựu do Thiện Nghiệp trong tâm Thiện Sắc Giới bằng mãnh lực của Dị Thời Nghiệp Duyên. Tâm Quả Sắc Giới làm những Chức năng: Tái Sinh, Hộ Kiếp, Chết cho những vị Phạm thiên trong Cõi Sắc Giới (Tức là chúng không sinh lên trong tâm ý của chúng sinh Dục Giới, Vô Sắc Giới).

Yogī chứng đạt Thiền Sắc mà không hoại Thiền thì sau khi mệnh chung, tâm Thiện Sắc Giới cao nhất mà Yogī chứng đạt sẽ tạo ra tâm Quả Sắc Giới cho tái sinh vào Cõi Sắc Giới tương ứng.

1. **Vitakkavicārapītisukhekaggatāsahitaṃ Paṭhamajjhānavipākacittaṃ** – Tâm **Quả Sơ Thiền** có Chi Thiền Vitakka, Chi Thiền Vicāra, Pīti, Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
2. **Vicārapītisukhekaggatāsahitaṃ Dutiyajjhānavipākacittaṃ** – Tâm **Quả Nhị Thiền** có Chi Thiền Vicāra, Chi Thiền Pīti, Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
3. **Pītisukhekaggatasahitaṃ Tatiyajjhānavipākacittaṃ** – Tâm **Quả Tam Thiền** có Chi Thiền Pīti, Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
4. **Sukhekaggatāsahitaṃ Catutthajjhānavipākacittaṃ** – Tâm **Quả Tứ Thiền** có Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
5. **Upekkhekaggatāsahitaṃ Pañcamajjhānavipākacittaṃ** – Tâm **Quả Ngũ Thiền** có Chi Thiền Upekkhā, Chi Thiền Ekaggatā.

Mỗi tâm Quả Sắc Giới có cùng số Chi Thiền giống hệt như tâm Thiện Sắc Giới tương ứng. Chi Thiền trong tâm Thiền Thiện có khả năng chế ngự 5 Chướng Ngại. Chi Thiền trong tâm Thiền Quả thì không có khả năng chế ngự Chướng Ngại.

Tâm Thiện Sắc Giới, Thiện Vô Sắc Giới gọi là **Kusalajhāna** – Thiền Thiện, tất cả đều kết hợp Ñāṇa.

Tâm Quả Sắc Giới, Quả Vô Sắc Giới gọi là **Jhānavipāka** – Thiền Quả. 1 tâm Thiền Thiện chỉ tạo ra 1 loại tâm Thiền Quả tương ứng, nhưng 1 tâm Đại Thiện có thể tạo ra nhiều loại tâm Vipāka. Vì tâm Đại Thiện làm nhiều việc, biết nhiều Đối tượng; còn tâm Thiền Thiện chỉ làm mỗi việc là định tâm trên mỗi 1 Đề mục thôi.

Yogī chứng đạt Jhāna trong kiếp sống này **chỉ có thể** nhận Thiền Quả ở kiếp sống khác sau khi mạng chung (Thiền Thiện chỉ là Sinh Báo Nghiệp).

III. RŪPĀVACARAKIRIYACITTA – TÂM DUY TÁC SẮC GIỚI: 05

Tâm thuộc Thiền Sắc của Vị Thánh Arahant trong 22 Cõi Vui Ngũ Uẩn.

1. **Vitakkavicārapītisukhekaggatāsahitaṃ Paṭhamajjhānakiriyācittaṃ** – Tâm **Duy Tác Sơ Thiền** có Chi Thiền Vitakka, Chi Thiền Vicāra, Pīti, Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
2. **Vicārapītisukhekaggatāsahitaṃ Dutiyajjhānakiriyācittaṃ** – Tâm **Duy Tác Nhị Thiền** có Chi Thiền Vicāra, Chi Thiền Pīti, Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
3. **Pītisukhekaggatasahitaṃ Tatiyajjhānakiriyācittaṃ** – Tâm **Duy Tác Tam Thiền** có Chi Thiền Pīti, Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
4. **Sukhekaggatāsahitaṃ Catutthajjhānakiriyācittaṃ** – Tâm **Duy Tác Tứ Thiền** có Chi Thiền Sukha, Chi Thiền Ekaggatā.
5. **Upekkhekaggatāsahitaṃ Pañcamajjhānakiriyācittaṃ** – Tâm **Duy Tác Ngũ Thiền** có Chi Thiền Upekkhā, Chi Thiền Ekaggatā.

Tâm Duy Tác Sắc Giới có Trạng thái và Chi Thiền giống hệt tâm Thiện Sắc Giới, chỉ khác là chúng không cho Vipāka. Vị Thánh Arahant đã hoàn toàn đoạn trừ Phiền Não nên các Chi Thiền trong tâm Duy Tác Sắc Giới không có tác dụng chế ngự 5 Chướng Ngại.

Tâm Sắc Giới có 15 thứ tâm là những tâm "thường sinh" chứ 10 Bất thiện (12 Bất thiện – 2 tâm căn Sân) vẫn sinh lên Cõi Sắc Giới được. Tâm căn Sân chỉ sinh tới Dục Giới Thiên thôi. Chúng sinh Dục Giới có trạng thái đau tim là do Thành Tựu của tâm căn Sân. Ở những cõi sắc vi tế hơn, Rūpa không chịu được trạng thái Nóng đó của tâm căn Sân.

ARŪPAVACARACITTA – TÂM VÔ SẮC GIỚI

Cõi Vô Sắc Giới là những cõi không có Rūpa. Do năng lực của Jhāna, chỉ có Nāma tồn tại ở đây.

Thông thường Nāma và Rūpa không thể tách rời. Nhưng do năng lực của ý chí, trong những trường hợp đặc biệt ngoại lệ, có thể tách rời Nāma ra khỏi Rūpa, cũng như ta có thể giữ một khối sắt lơ lửng ở giữa không trung nhờ một từ lực như nam châm chẳng hạn.

Tâm Vô Sắc Giới chỉ có Kusala, Vipāka, Kiriya mà thôi.

I. ARŪPĀVACARAKUSALACITTA – TÂM THIỆN VÔ SẮC GIỚI: 04

Tâm Thiện Vô Sắc Giới là những tâm chứng đạt do Tu Tiến Samatha trên 4 Đề mục Vô Sắc. Trước đó, Yogī phải Thuần Thục với 5 Thiền Sắc. Dựa trên Ngũ Thiền, Yogī sẽ đi sâu vào Thiền Vô Sắc.

Tâm Thiện Vô Sắc Giới gồm 4 loại tâm, chia theo Đề mục làm Đối tượng của tâm Thiện Vô Sắc Giới. Tâm Thiện Vô Sắc Giới có Chi Thiền giống với tâm Thiện Ngũ Thiền, nhưng Chi Thiền Upekkhā và Chi Thiền Ekaggatā của Thiện Vô Sắc Giới vi tế thù diệu hơn.

1. **Ākāsānañcāyatanakusalacittaṃ** – Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ
2. **Viññāṇañcāyatanakusalacittaṃ** – Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ.
3. **Ākiñcaññāyatanakusalacitta** – Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ.
4. **Nevasaññānāsaññāyatanakusalacittaṃ** – Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

II. ARŪPĀVACARAVIPĀKACITTA – TÂM QUẢ VÔ SẮC GIỚI: 04

Là tâm Vipāka thành tựu do Thiện Nghiệp trong tâm Thiện Vô Sắc Giới bằng mãnh lực của Dị Thời Nghiệp Duyên. Tâm Quả Vô Sắc Giới làm những Chức năng: Tái Sinh, Hộ Kiếp, Chết cho những vị Phạm thiên trong Cõi Vô Sắc Giới. (Tức là chúng không sinh lên trong tâm ý chúng sinh Dục Giới, Phạm thiên Sắc Giới.)

Yogī chứng đạt Thiền Vô Sắc mà không hoại Thiền thì sau khi mệnh chung, tâm Thiện Vô Sắc Giới cao nhất mà Yogī chứng đạt sẽ tạo ra tâm Quả Vô Sắc Giới cho tái sinh vào Cõi Vô Sắc Giới tương ứng.

1. **Ākāsānañcāyatanavipākacittaṃ** – Tâm Quả Không Vô Biên Xứ.
2. **Viññāṇañcāyatanavipākacittaṃ** – Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ.
3. **Ākiñcaññāyatanavipākacittaṃ** – Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ.
4. **Nevasaññānāsaññāyatanavipākacittaṃ** – Tâm Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

III. ARŪPĀVACARAKIRIYACITTA – TÂM DUY TÁC VÔ SẮC GIỚI: 04

Là những tâm thuộc Thiền Vô Sắc chỉ có nơi Vị Thánh Arahant.

1. **Ākāsānañcāyatanakiriyācittaṃ** – Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ.
2. **Viññāṇañcāyatanakiriyācittaṃ** – Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ.
3. **Ākiñcaññāyatanakiriyācittaṃ** – Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ.
4. **Nevasaññānāsaññāyatanakiriyācittaṃ** – Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới có Trạng thái và Chi Thiền giống hệt tâm Thiện Vô Sắc Giới, chỉ khác là chúng không cho Vipāka.

Vị Thánh Arahant Tu Tiến Samatha để làm Thiền Cơ nhập Thiền Diệt và chứng đạt Abhiññā, chứ không do các Ngài có Tà Kiến về Rūpa, hay về việc cho rằng nếu loại bỏ Rūpa thì sẽ thật sự hạnh phúc.

LOKUTTARACITTA – TÂM SIÊU THẾ

"Lokuttara": Siêu Thế = *"Loka"*: Thế gian + *"Uttara"*: vượt qua khỏi = Vượt ra khỏi thế gian. Có nghĩa là đi ra ngoài Vòng Luân Hồi chứ không phải có một cái gì thực hữu sinh tồn ở bên ngoài Thế gian.

Nên hiểu rằng: Tâm Siêu Thế không phải là loại tâm vượt ra khỏi Thế gian. Tâm là một Pháp Hữu Vi, cho dù là loại tâm nào đi nữa. Tâm Siêu Thế biết Đối tượng Nibbāna: là Đối tượng vượt ngoài Thời gian và Không gian, không thuộc về Thế gian Vô Thường, Khổ Não, Vô Ngã, nên tâm này nương theo đó định danh là Tâm Siêu Thế. Ví như người đứng trong nhà nhìn thấy cảnh bên ngoài, cũng vậy, Tâm Siêu Thế là loại tâm trong Thế gian nhưng bắt Đối tượng vượt ra khỏi Thế gian.

**Note: Trong một số trường hợp, tâm Đại Thiện hay Đại Duy Tác cũng biết Đối tượng Nibbāna. Còn Tâm Sắc Giới, Tâm Vô Sắc Giới và Tâm Siêu Thế chỉ biết loại Đối tượng chuyên biệt của chúng thôi.*

Tâm Siêu Thế chỉ có Kusala, Vipāka mà thôi.

I. LOKUTTARA KUSALA CITTA – TÂM THIỆN SIÊU THẾ: 04

Yogī Tu Tiến Vipassanā và tiến triển từ Trí Minh Sát này đến Trí Minh Sát khác. Khi Trí Minh Sát của Yogī trở nên chín muồi, sự Giác ngộ xảy ra, một loại tâm mà Yogī chưa từng trải nghiệm qua trong kiếp sống này cũng như trong những kiếp sống trong Quá khứ, sẽ sinh lên.

Tâm này được gọi là **Maggacitta** – Tâm Đạo (mượn 8 Chi Đạo mà gọi), lấy Nibbāna làm Đối tượng, có Chức năng sát trừ Phiền Não. Sự sát trừ những Phiền Não ở đây không phải là do tâm, mà là tất cả sức mạnh của tất cả các pháp kết hợp mà chủ yếu là Ñāṇa, những pháp khác hỗ trợ cho Ñāṇa hiển lộ sức mạnh.

Ñāṇa trong tâm Thiện Siêu Thế gọi là Đạo Tuệ, thuộc giai đoạn Tri Kiến Tịnh.

Mỗi tâm Thiện Siêu Thế chỉ sinh lên một lần duy nhất.

1. **Sotāpattimaggacittaṃ** – Tâm Nhập Lưu Đạo (Thất Lai Đạo/Dự Lưu).
   Là tâm đạt được thông qua việc bước vào dòng chảy của Thánh Đạo lần đầu tiên.
2. **Sakadāgāmimaggacittaṃ** – Tâm Nhất Lai Đạo.
3. **Anāgāmimaggacittaṃ** – Tâm Bất Lai Đạo.
4. **Arahattamaggacittaṃ** – Tâm Arahant Đạo (Vô Sinh Đạo)

II. LOKUTTARA PHALA CITTA – TÂM QUẢ SIÊU THẾ: 04

Tâm Thiện Siêu Thế sau khi thực hiện Chức năng sát trừ Phiền Não thì trợ cho tâm Quả Siêu Thế sinh lên bằng Vô Gián Duyên và Dị Thời Nghiệp Duyên.

1. **Sotāpattiphalacittaṃ** – Tâm Nhập Lưu Quả (Thất Lai Quả).
2. **Sakadāgāmiphalacittaṃ** – Tâm Nhất Lai Quả.
3. **Anāgāmiphalacittaṃ** – Tâm Bất Lai Quả.
4. **Arahattaphalacittaṃ** – Tâm Arahant Quả (Vô Sinh Quả)

Những tâm Quả Siêu Thế có Trạng thái giống như tâm Thiện Siêu Thế tương ứng, bắt cùng một Đối tượng với tâm Thiện Siêu Thế đó.

Cũng là Vipāka nhưng tâm Quả Siêu Thế được gọi với danh từ đặc biệt là *"Phalacitta"*. Vì tâm Quả Siêu Thế không giống tâm Quả Hiệp Thế đó là: Tâm Quả Siêu Thế không phải là thành tựu của Nghiệp bị tác động bởi Avijjā và Taṇhā, và tâm Quả Siêu Thế có Chức năng Javana như tâm Thiện Siêu Thế.

Ñāṇa trong tâm Quả Siêu Thế gọi là Quả Tuệ, nối tiếp Đạo Tuệ trong giai đoạn Tri Kiến Tịnh. Chính Quả Tuệ làm lắng yên Phiền Não, không tái phát Phiền Não đã được Đạo Tuệ sát trừ. Hay có thể nói rằng: Tâm Thiện Siêu Thế dập tắt lửa, tâm Quả Siêu Thế đổ thêm nước vào lửa đã được dập tắt bởi tâm Thiện Siêu Thế, cho không thể cháy trở lại.

HỎI: *"Tại sao không có tâm Duy Tác Siêu Thế?"*

ĐÁP: Vì Magga có thể hoàn thành chức năng đoạn diệt Kilesa của nó với chỉ một lần sinh lên. Không có lợi ích gì để nó sinh lên lần nữa. Đó là lý do tại sao không có tâm Duy Tác Magga trong những Tâm Siêu Thế.

EKAVĪSASATĀNI CITTA – 121 LOẠI TÂM

Bậc Hiền Trí chia 89 loại tâm khác nhau này thành 121 loại. Đó là chia mỗi Tâm Siêu Thế làm 5 loại, theo những tầng Jhāna. Những Tâm Siêu Thế cũng được gọi là Jhāna, vì chúng quán sát kỹ càng những Tướng Trạng của Nibbāna (Đặc biệt là tâm Quả Siêu Thế). Và vì chúng đi kèm những Chi Thiền tương tự như những tâm Thiền Thiện.

Vì mỗi tâm Thiện Siêu Thế có thể tương tự như Thiện Sơ Thiền, Thiện Nhị Thiền, Thiện Tam Thiền, Thiện Tứ Thiền, Thiện Ngũ Thiền cho nên ta có: 4 Magga Sơ Thiền + 4 Magga Nhị Thiền + 4 Magga Tam Thiền + 4 Magga Tứ Thiền + 4 Magga Ngũ Thiền = 20 tâm Thiện Siêu Thế.

1. **Paṭhamajjhānapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Đạo Sơ Thiền
2. **Dutiyajjhānanapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Đạo Nhị Thiền
3. **Tatiyajjhānapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Đạo Tam Thiền
4. **Catutthajjhānapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Đạo Tứ Thiền
5. **Pañcamajjhānapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Đạo Ngũ Thiền
6. **Paṭhamajjhānadutiyamaggacittaṃ** – Nhất Lai Đạo Sơ Thiền
7. **Dutiyajjhānadutiyamaggacittaṃ** – Nhất Lai Đạo Nhị Thiền
8. **Tatiyajjhānadutiyamaggacittaṃ** – Nhất Lai Đạo Tam Thiền
9. **Catutthajjhānadutiyamaggacittaṃ** – Nhất Lai Đạo Tứ Thiền
10. **Pañcamajjhānadutiyamaggacittaṃ** – Nhất Lai Đạo Ngũ Thiền
11. **Paṭhamajjhānatatiyamaggacittaṃ** – Bất Lai Đạo Sơ Thiền
12. **Dutiyajjhānatatiyamaggacittaṃ** – Bất Lai Đạo Nhị Thiền
13. **Tatiyajjhānatatiyamaggacittaṃ** – Bất Lai Đạo Tam Thiền
14. **Catutthajjhānatatiyamaggacittaṃ** – Bất Lai Đạo Tứ Thiền
15. **Pañcamajjhānatatiyamaggacittaṃ** – Bất Lai Đạo Ngũ Thiền
16. **Paṭhamajjhānacatutthamaggacittaṃ** – Arahant Đạo Sơ Thiền
17. **Dutiyajjhānacatutthamaggacittaṃ** – Arahant Đạo Nhị Thiền
18. **Tatiyajjhānacatutthamaggacittaṃ** – Arahant Đạo Tam Thiền
19. **Catutthajjhānacatutthamaggacittaṃ** – Arahant Đạo Tứ Thiền
20. **Pañcamajjhānacatutthamaggacittaṃ** – Arahant Đạo Ngũ Thiền

Cũng vậy đối với những tâm Quả Siêu Thế, có: 4 Phala Sơ Thiền + 4 Phala Nhị Thiền + 4 Phala Tam Thiền + 4 Phala Tứ Thiền+ 4 Phala Ngũ Thiền = 20 tâm Quả Siêu Thế.

1. **Paṭhamajjhānapaṭhamaphalacittaṃ** – Nhập Lưu Quả Sơ Thiền
2. **Dutiyajjhānanapaṭhamaphalacittaṃ** – Nhập Lưu Quả Nhị Thiền
3. **Tatiyajjhānapaṭhamaphalacittaṃ** – Nhập Lưu Quả Tam Thiền
4. **Catutthajjhānapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Quả Tứ Thiền
5. **Pañcamajjhānapaṭhamamaggacittaṃ** – Nhập Lưu Quả Ngũ Thiền
6. **Paṭhamajjhānadutiyaphalacittaṃ** – Nhất Lai Quả Sơ Thiền
7. **Dutiyajjhānadutiyaphalacittaṃ** – Nhất Lai Quả Nhị Thiền
8. **Tatiyajjhānadutiyaphalacittaṃ** – Nhất Lai Quả Tam Thiền
9. **Catutthajjhānadutiyaphalacittaṃ** – Nhất Lai Quả Tứ Thiền
10. **Pañcamajjhānadutiyaphalacittaṃ** – Nhất Lai Quả Ngũ Thiền
11. **Paṭhamajjhānatatiyaphalacittaṃ** – Bất Lai Quả Sơ Thiền
12. **Dutiyajjhānatatiyaphalacittaṃ** – Bất Lai Quả Nhị Thiền
13. **Tatiyajjhānatatiyaphalacittaṃ** – Bất Lai Quả Tam Thiền
14. **Catutthajjhānatatiyaphalacittaṃ** – Bất Lai Quả Tứ Thiền
15. **Pañcamajjhānatatiyaphalacittaṃ** – Bất Lai Quả Ngũ Thiền
16. **Paṭhamajjhānacatutthaphalacittaṃ** – Arahant Quả Sơ Thiền
17. **Dutiyajjhānacatutthaphalacittaṃ** – Arahant Quả Nhị Thiền
18. **Tatiyajjhānacatutthaphalacittaṃ** – Arahant Quả Tam Thiền

19. Catutthajjhānacatutthaphalacittaṃ – Arahatta Quả Tứ Sơ Thiền
20. Pañcamajjhānacatutthaphalacittaṃ – Arahant Quả Ngũ Thiền

Tổng cộng: 20 tâm Thiện Siêu Thế + 20 tâm Quả Siêu Thế = **40** Tâm Siêu Thế.
40 Tâm Siêu Thế + 81 Tâm Hiệp Thế = **121**. Đó là lý do luôn luôn nói **89** (hay **121**) loại tâm.

HỎI: *"Còn những Thiền Vô Sắc thì sao?"*
ĐÁP: Thiền Vô Sắc tính chung với Ngũ Thiền.

TÂM PHÂN THEO 9 KHÍA CẠNH

Bhumi			Tâm Dục Giới	Tâm Sắc Giới	Tâm Vô Sắc Giới	Tâm Siêu Thế	89	121
Jāti	Kusala		8	5	4	4 (hay 20)	21	37
	Akusala		12	–	–	–	12	12
	Vipāka		23	5	4	4 (hay 20)	36	52
	Kiriya		11	5	4	–	20	20
Vedanā	Domanassavedanā		2	–	–	–	2	2
	Dukkhavedanā		1	–	–	–	1	1
	Somanassavedanā		18	12	–	– (hay 32)	30	62
	Sukhavedanā		1	–	–	–	1	1
	Upekkhāvedanā		32	3	12	– (hay 8)	47	55
Hetu	Ahetuka		18	–	–	–	18	18
	Sahetuka	1 Hetu	2	–	–	–	2	2
		2 Hetu	22	–	–	–	22	22
		3 Hetu	12	15	12	8 (hay 40)	47	79

I. SAÑJĀTIBHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO JATI (CHỦNG)

A. Akusalajāti

- 8 tâm căn Tham + 2 tâm căn Sân + 2 tâm căn Si = **12** loại tâm Akusala.

B. Kusalajāti

- 5 Thiện Sắc Giới + 4 Thiện Vô Sắc Giới = **9 Mahaggata Kusala** – Thiện Cao Thượng.
- 8 Đại Thiện + 9 Thiện Cao Thượng = **17 Lokutara Kusala Citta** – Thiện Hiệp Thế.
- 17 Thiện Hiệp Thế + 4 (hay 20) Thiện Siêu Thế = **21** (hay **37**) loại tâm Kusala.

C. Vipākajāti

- 7 Quả Bất Thiện + 8 Quả Thiện Vô Nhân + 8 Đại Quả = **23 Kāmāvacara Vipāka** – Quả Dục Giới.
- 5 Quả Sắc Giới + 4 Quả Vô Sắc Giới = **9 Mahaggata Vipāka** – Quả Cao Thượng.
- 23 Quả Dục Giới + 9 Quả Cao Thượng = **32 Lokiya Vipāka** – Quả Hiệp Thế (Tạo ra Thế gian).
- 32 Quả Hiệp Thế + 4 (hay 20) Quả Siêu Thế = **36** (hay **52**) loại tâm Vipāka.

D. Kiriyājāti

- 3 Duy Tác Vô Nhân + 8 Đại Duy Tác = **11 Kāmāvacara Kiriyā** – Duy Tác Dục Giới.
- 5 Duy Tác Sắc Giới + 4 Duy Tác Vô Sắc Giới = **9 Mahaggata Kiriya** – Duy Tác Cao Thượng.
- 11 Duy Tác Dục Giới + 9 Duy Tác Cao Thượng = **20** loại tâm Duy Tác.

II. BHŪMIBEDANAYA – TÂM PHÂN THEO BHUMI

A. Kāmāvacaracitta

- 7 Quả Bất Thiện + 8 Quả Thiện Vô Nhân + 8 Đại Quả = **23 Kāmāvacara Vipāka** – Quả Dục Giới.
- 12 Bất thiện + 8 Đại Thiện + 23 Quả Dục Giới + 11 Duy Tác Dục Giới = **54 Kāmāvacaracitta** – Tâm Dục Giới.

B. Rūpāvacaracitta

- 5 Thiện Sắc Giới + 5 Quả Sắc Giới + 5 Duy Tác Sắc Giới = **15 Rūpāvacaracitta** – Tâm Sắc Giới.

C. Arūpāvacaracitta

- 4 Thiện Vô Sắc Giới + 4 Quả Vô Sắc Giới + 4 Duy Tác Vô Sắc Giới = **12 Arūpāvacaracitta** – Tâm Vô Sắc Giới.

D. Lokuttaracitta

- 4 (hay 20) Thiện Siêu Thế + 4 (hay 20) Quả Siêu Thế = **8** (hay **40**) **Lokuttaracitta** – Tâm Siêu Thế.

III. SOBHAṆABHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO BẢN CHẤT

A. Sobhanacitta

- 24 Dục Giới Tịnh Hảo + 27 Tâm Cao Thượng + 8 (hay 40) Tâm Siêu Thế = **59** (hay **91**) **Sobhanacitta** – Tâm Tịnh Hảo.

B. Asobhanacitta

- 12 Bất Thiện + 18 Tâm Vô Nhân = **30 Asobhanacitta** – Tâm Bất Tịnh Hảo.

IV. LOKABHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO THẾ GIAN

A. Lokiyacitta

- 54 Tâm Dục Giới + 27 Tâm Cao Thượng = **81 Lokiyacitta** – Tâm Hiệp Thế.

B. Lokuttaracitta

- 4 (hay 20) Thiện Siêu Thế + 4 (hay 20) Quả Siêu Thế = **8** (hay **40**) **Lokuttaracitta** – Tâm Siêu Thế.

V. HEṬU SAMPAYUṬṬAṂ BHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO HETU

A. Sahetukacitta

- 2 tâm căn Si = **2 Ekahetukacitta** – Tâm Nhất Nhân.
- 8 tâm căn Tham + 2 tâm căn Sân + 4 Đại Thiện không kết hợp Ñāṇa + 4 Đại Quả không kết hợp Ñāṇa 4 Đại Duy Tác không kết hợp Ñāṇa = **22 Dvihetukacitta** – Tâm Nhị Nhân.
- 4 Đại Thiện kết hợp Ñāṇa + 4 Đại Quả kết hợp Ñāṇa + 4 Đại Duy Tác kết hợp Ñāṇa + 27 Tâm Cao Thượng + 8 (hay 40) Tâm Siêu Thế = **47** (hay **79**) **Tihetukacitta** – Tâm Tam Nhân.
- 8 Đại Duy Tác + 9 Duy Tác Cao Thượng = **17 Sahetukakriyācitta** – Tâm Duy Tác Hữu Nhân.
- 2 Tâm Nhất Nhân + 22 Tâm Nhị Nhân + 47 (hay 79) Tâm Tam Nhân = **71** (hay **103**) **Sahetukacitta** – Tâm Hữu Nhân.

B. Ahetukacitta

- 7 Quả Bất Thiện + 8 Quả Thiện Vô Nhân + 3 Duy Tác Vô Nhân = **18 Ahetukacitta** – Tâm Vô Nhân.

VI. JHĀNABHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO JHĀNA

- 15 Tâm Sắc Giới + 12 Tâm Vô Sắc Giới + 8 (hay 40) Tâm Siêu Thế = **35** (hay **67**) **Jhānacitta** – Tâm Jhāna.
- 9 Thiện Cao Thượng + 9 Duy Tác Cao Thượng + 9 Quả Cao Thượng = **27 Mahaggata Citta** – Tâm Cao Thượng (Đại Hành, Cao Nhã, Đáo Đại), cũng gọi là **Lokiyajhāna Citta** – Tâm Thiền Hiệp Thế.
- 54 Tâm Dục Giới = **54 Ajhānacitta** – Tâm Phi Thiền.

VII. VEDANĀBHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO VEDANĀ

- 13 Javana Thọ Hỷ Dục Giới + 1 Dò Xét đồng sinh với thọ Hỷ + 4 Đại Quả đồng sinh với thọ Hỷ + 3 Thiện/Quả/Duy Tác Sơ Thiền + 3 Thiện/Quả/Duy Tác Nhị Thiền + 3 Thiện/Quả/Duy Tác Tam Thiền + 3 Thiện/Quả/Duy Tác Tứ Thiền + 32 Tâm Siêu Thế = **62 Somanassasahagatacitta** – Tâm Đồng Sinh Với Thọ Hỷ.
- 2 tâm căn Sân = **2 Domanassasahagatacitta** – Tâm Đồng Sinh Với Thọ Ưu.
- Thân Thức đồng sinh với thọ Lạc = **1 Sukhasahagatacitta** – Tâm Đồng Sinh Với Thọ Lạc.
- Thân Thức đồng sinh với thọ Khổ = **1 Dukkhasahagatacitta** – Tâm Đồng Sinh Với Thọ Khổ.
- 4 tâm căn Tham đồng sinh với thọ Xả + 2 tâm căn Si đồng sinh với thọ Xả + 14 Tâm Vô Nhân đồng sinh với thọ Xả + 4 Đại Thiện đồng sinh với thọ Xả + 4 Đại Quả đồng sinh với thọ Xả + 4 Đại Duy Tác đồng sinh với thọ Xả + 3 Thiện/Quả/Duy Tác Ngũ Thiền + 12 Tâm Vô Sắc Giới + 8 Tâm Siêu Thế = **55 Upekkhāsahagatacitta** – Tâm Đồng Sinh Với Thọ Xả.

VIII. SAMPAYOGOCIṬṬA – TÂM PHÂN THEO PAYOGA

A. Sampayuttacitta: 45 (hay 87)

- **Ditthigatasampayutta** – Kết Hợp Tà Kiến: **4** tâm căn Tham kết hợp Tà Kiến.
- **Paṭighasampayutta** – Kết Hợp Paṭigha: **2** tâm căn Sân.
- **Vicikicchāsampayutta** – Kết Hợp Hoài Nghi: **1** tâm căn Si kết hợp Hoài Nghi.
- **Uddhaccasampayutta** – Kết Hợp Mông Lung: **1** tâm căn Si kết hợp Mông Lung.
- **Ñāṇasampayutta** – Kết Hợp Ñāṇa: **47** (hay **79**) Tâm Tam Nhân.

B. Vippayuttacitta: 34

- **Diṭṭhigatavippayutta** – Không Kết Hợp Tà Kiến: **4** tâm căn Tham không kết hợp Tà Kiến.
- **Ñāṇavippayutta** – Không Kết Hợp Ñāṇa: **12** Dục Giới Tịnh Hảo Không Kết Hợp Ñāṇa.
- **Hetuvippayutta** – Không Kết Hợp Hetu: **18** Tâm Vô Nhân.

IX. SAṄKHĀRABHEDANAYA – TÂM PHÂN THEO SAṄKHĀRIKA

- 4 tâm căn Tham Không Cần Tác Động + 1 tâm căn Sân Không Cần Tác Động + 2 tâm căn Si Không Cần Tác Động + 18 Tâm Vô Nhân + 12 Dục Giới Tịnh Hảo Không Cần Tác Động = **37** **Asaṅkhārikacitta** – Tâm Không Cần Tác Động.

  18 Tâm Vô Nhân là tâm Không Cần Tác Động, bởi vì nó khởi lên theo tính chất tự nhiên, nương theo sự vận hành pháp, tức là loại tâm khởi lên theo tính chất máy móc, không cần phải có sự kích động mạnh.
- 4 tâm căn Tham Cần Tác Động + 1 tâm căn Sân Cần Tác Động + 12 Dục Giới Tịnh Hảo Cần Tác Động + 35 (hay 67) Tâm Jhāna = **52** (hay **84**) **Sasaṅkhārikacitta** – Tâm Cần Tác Động.

  35 (hay 67) Tâm Jhāna là tâm Cần Tác Động, do không phải đột nhiên tự khởi hiện theo lẽ thường, phải kiên trì Tu Tiến mới thành tựu được.

- 8 Đại Quả + 9 Quả Cao Thượng = **17** Quả Hữu Nhân Hiệp Thế.
- 9 Thiện Cao Thượng + 9 Duy Tác Cao Thượng + 8 (hay 40) Siêu Thế = **26** (hay **58**) **Appanā Javana** – Javana Kiên Cố.
- 12 Bất Thiện + 8 Đại Thiện + 8 Đại Duy Tác + Tiếu Sinh Tâm = **29** **Kāmāvacara Javana** – Javana Dục Giới.
- Tiếu Sinh Tâm = **01** Javana Vô Nhân.
- 2 tâm căn Si = **02** Javana Nhất Nhân.
- 8 tâm căn Tham + 2 tâm căn Sân + 4 tâm Đại Thiện không kết hợp Ñāṇa + 4 tâm Đại Duy Tác không kết hợp Ñāṇa = **18** **Dvihetuka Javana** – Javana Nhị Nhân.
- 4 Đại Thiện kết hợp Ñāṇa + 4 Đại Duy Tác kết hợp Ñāṇa + 26 Javana Kiên Cố = **34** **Tihetuka Javana** – Javana Tam Nhân.
- 4 Đại Thiện đồng sinh với thọ Hỷ + 4 tâm căn Tham đồng sinh với thọ Hỷ + Tiếu Sinh Tâm + 4 Đại Duy Tác đồng sinh với thọ Hỷ = **13** **Kāmāvachara Somana Javana** – Javana Thọ Hỷ Dục Giới.